

Số: /QĐ-UBND

*Bình Định, ngày tháng năm*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Công trình: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung làng nghề  
sản xuất bún tươi thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 529/TTr-STC ngày 15/10/2019;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau;**

- Tên Công trình: : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại làng nghề sản xuất bún tươi thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn.
- Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định.
- Đại diện chủ đầu tư: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.
- Địa điểm xây dựng: Thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công-hoàn thành: Ngày 14/9/2018-20/01/2019.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng.

| Nguồn                                           | Giá trị phê duyệt quyết toán | Thực hiện            |                     |
|-------------------------------------------------|------------------------------|----------------------|---------------------|
|                                                 |                              | Đã thanh toán        | Còn được thanh toán |
| 1                                               | 2                            | 3                    | 4                   |
| <b>Tổng số</b>                                  | <b>5.792.702.400</b>         | <b>5.740.572.400</b> | <b>52.130.000</b>   |
| - Vốn Chính phủ Vương quốc Bỉ năm 2018, 2019:   |                              | 4.574.141.427        |                     |
| - Vốn ngân sách tỉnh đầu tư tập trung năm 2018: |                              | 243.410.000          |                     |
| - Vốn ngân sách tỉnh đầu tư tập trung năm 2019: |                              | 677.017.573          |                     |
| - Vốn ngân sách thị xã An Nhơn năm 2019:        |                              | 246.003.400          |                     |

## 2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung                                           | Dự toán              | Giá trị quyết toán   |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>6.729.488.000</b> | <b>5.792.702.400</b> |
| <b>1. Chi phí xây dựng:</b>                        | <b>2.692.451.622</b> | <b>2.564.273.300</b> |
| - Xây dựng:                                        | 2.692.451.622        | 2.483.514.300        |
| - Hạng mục chung:                                  |                      | 80.759.000           |
| <b>2. Chi phí thiết bị:</b>                        | <b>2.529.575.324</b> | <b>2.467.282.700</b> |
| <b>3. Chi phí quản lý dự án:</b>                   | <b>104.934.258</b>   | <b>104.934.000</b>   |
| <b>4. Chi phí tư vấn đầu tư:</b>                   | <b>347.310.963</b>   | <b>347.310.000</b>   |
| - Khảo sát địa hình, lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật: | 252.688.138          | 252.688.000          |
| - Lập HSMT và đánh giá HSDT XL và TB:              | 5.222.027            | 5.222.000            |
| - Chi phí giám sát thi công XD và TB:              | 89.400.799           | 89.400.000           |
| <b>5. Chi phí khác:</b>                            | <b>258.573.651</b>   | <b>62.899.000</b>    |
| - Phí thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật:          | 1.078.112            | 0                    |
| - Bảo hiểm công trình:                             | 8.077.355            | 8.077.000            |
| - Chi phí hạng mục chung:                          | 80.774.549           | 0                    |
| - Chi phí thẩm định giá thiết bị:                  | 8.474.077            | 0                    |
| - Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT:          | 2.692.452            | 2.692.000            |
| - Chi phí Kiểm toán:                               | 101.646.472          | 0                    |
| - Thẩm tra phê duyệt quyết toán:                   | 55.831.635           | 52.130.000           |
| <b>6. Chi phí GPMB:</b>                            | <b>500.000.000</b>   | <b>246.003.400</b>   |
| <b>7. Dự phòng chi:</b>                            | <b>296.642.291</b>   | <b>0</b>             |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:
- a) Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không
- b) Chi phí không tạo nên tài sản: Không
4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung                               | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                      |
|----------------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|----------------------|
|                                        | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi      |
| <b>Tổng số</b>                         |                          |                 | <b>5.792.702.400</b>     | <b>5.792.702.400</b> |
| - Tài sản dài hạn<br>(tài sản cố định) |                          |                 | 5.792.702.400            | 5.792.702.400        |
| - Tài sản ngắn hạn                     |                          |                 |                          |                      |

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:
- a. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Dvt: đồng

| Nguồn                                           | Số tiền              | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|----------------------|---------|
| 1                                               | 2                    | 3       |
| <b>Tổng số</b>                                  | <b>5.792.702.400</b> |         |
| 1. Đã bố trí:                                   | 5.740.572.400        |         |
| - Vốn Chính phủ Vương quốc Bỉ năm 2018,2019:    | 4.574.141.427        |         |
| - Vốn ngân sách tỉnh đầu tư tập trung năm 2018: | 243.410.000          |         |
| - Vốn ngân sách tỉnh đầu tư tập trung năm 2019: | 677.017.573          |         |
| - Vốn ngân sách thị xã An Nhơn năm 2019:        | 246.003.400          |         |
| 2. Chưa bố trí:                                 | 52.130.000           |         |

- b. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập Báo cáo quyết toán (06/8/2019) là:

Tổng nợ phải trả: 52.130.000 đồng

- Chi phí khác (Thẩm tra phê duyệt quyết toán): 52.130.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Dvt: đồng*

| <b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b> | <b>Tài sản dài hạn/cố định</b> |
|-------------------------------------|--------------------------------|
| - UBND xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn  | <b>5.792.702.400</b>           |

**Điều 4.** Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn; Chủ tịch UBND xã Nhơn Hậu; Giám đốc Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K7, K10 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Châu**